

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HN-ST

Ngày: 03/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2020/TLST - HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HN ngày 18/01/2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm: 1982. (Có mặt)

\* Bị đơn: Anh **Đặng Văn Ng**, sinh năm: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 10 B, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị D trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh Đặng Văn Ng chung sống với nhau từ năm 2002. Trước khi chung sống thì anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiến tới hôn nhân, anh chị có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã Th H, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại ấp 10 B, xã Th H cho đến giữa năm 2020 thì vợ chồng chị ly thân cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng chị chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cãi, anh Ng không

quan tâm lo lắng cho vợ con, anh thường xuyên ăn nhậu về là chửi bới đánh đập vợ con.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung cháu Đặng Thị Thùy Tr (sinh ngày 02/02/2003), cháu Đặng Chí Kh (sinh ngày 20/12/2008), cháu Đặng Thị Thảo M (sinh ngày 06/11/2015). Hiện nay 03 cháu đang chung sống cùng anh Ng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Nay, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Ng; đồng ý giao 03 con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ng trình bày như sau*: Anh xác nhận, anh và chị D chung sống với nhau từ năm 2003 và được UBND xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/2013.

Trong quá trình chung sống, anh và chị D luôn bất đồng quan điểm, tính cách của vợ chồng không hòa thuận, thường hay cự cãi. Sau khi cự cãi, chị D thường bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh và chị D đã thật sự ly thân từ đầu 2020 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không hàn gắn được nữa.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung cháu Đặng Thị Thùy Tr (sinh ngày 02/02/2003), cháu Đặng Chí Kh (sinh ngày 20/12/2008), cháu Đặng Thị Thảo M (sinh ngày 06/11/2015). Hiện nay 03 cháu đang chung sống cùng anh Ng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Nay, chị D ly hôn anh có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh không đồng ý ly hôn với chị D. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị D.

- *Về con chung*: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại phiên tòa*:

- *Chị D*: Yêu cầu được ly hôn với anh Ng; đồng ý giao 03 con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Anh Ng*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ng là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị D khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Ng đang cư trú và sinh sống tại ấp 10 B, xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh Ng nhưng anh Ng có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh Ng chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Th H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Ng là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh Ng, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị D cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ giữa năm 2020 đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị D và anh Ng có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đồng thời, anh Ng cũng xác nhận tình cảm vợ chồng anh chị đến nay không hàn gắn được và đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Ng không có mặt và chị D cương quyết ly hôn với anh Ng do vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa.

HĐXX xét thấy, việc anh chị ly thân từ tháng đầu năm 2020 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị D được ly hôn với anh Ng.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị D và anh Ng xác nhận có 03 con chung là cháu Đặng Thị Thùy Tr (sinh ngày 02/02/2003), cháu Đặng Chí Kh (sinh ngày 20/12/2008), cháu Đặng Thị Thảo M (sinh ngày 06/11/2015) và hiện nay 03 cháu đang chung sống cùng anh Ng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D đồng ý giao 03 con chung cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh Ng. HĐXX xét thấy, việc chị D tự nguyện giao 03 cháu Tr (sinh ngày 02/02/2003), cháu Kh (sinh ngày 20/12/2008) và cháu Thảo M (sinh ngày 06/11/2015) cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr và cháu Kh nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị D và anh Ng xác định không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Đặng Văn Ng.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Đặng Thị Thùy Tr (sinh ngày 02/02/2003), cháu Đặng Chí Kh (sinh ngày 20/12/2008), cháu Đặng Thị Thảo M (sinh ngày 06/11/2015) cho anh Ng trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện nay 03 cháu đang chung sống cùng anh Ng).

Anh Ng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, anh Ng có quyền yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị D không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Ng thì anh Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị D.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Phạm Thị D chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006152 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị D không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 03/02/2021*).

Riêng anh Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Th H.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**